

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Báo cáo tài chính riêng  
cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2018

## **MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc</b>	[2] - [4]
<b>2. Báo cáo tài chính riêng</b>	
- Bảng cân đối kế toán riêng	[5] - [6]
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	[7] – [8]
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	[9] - [10]
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	[11] - [33]

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 156 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, Hà Nội

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2018

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2018 của Công ty:

#### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 14 tháng 07 năm 2015.

#### **2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát**

Các Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
- Ông Đỗ Trần Mai	Thành Viên
- Bà An Hà My	Thành Viên

Các Thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Quốc Quyền	Phó Tổng giám đốc

Các Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Bùi Thị Thanh Nam	Trưởng ban kiểm soát
- Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên
- Bà Lê Thị Thoa	Thành viên

#### **3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở tại số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

**Công ty có công ty con như sau:**

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	Lô J7, đường số 5, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), xã Hoài Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	Số 59 Đường Thiên Đức, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm. TP. Hà Nội

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 156 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, Hà Nội

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2018

**Công ty có các chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:**

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy Sơn miền Bắc	59 Thiên Đức, TT. Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

#### **4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 09 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

#### **5. Các khoản bất thường và các sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng Công ty bị phản ánh sai lệch.

#### **6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 09 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 156 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2018

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**7. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 09 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2018

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Sơn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

**Mẫu số B 01 – DN**

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>117.772.165.821</b>	<b>148.885.563.616</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>13.439.874.997</b>	<b>70.301.263.112</b>
1. Tiền	111	5.1	13.439.874.997	70.301.263.112
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>64.535.441.167</b>	<b>47.703.332.168</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	25.620.668.709	24.095.783.247
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	4.447.800.752	3.831.898.500
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	2.433.720.887	2.583.720.887
4. Các khoản phải thu khác	136	5.5	32.861.836.820	18.020.515.535
5. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		(828.586.001)	(828.586.001)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>38.889.237.684</b>	<b>28.772.967.903</b>
1. Hàng tồn kho	141		38.889.237.684	28.772.967.903
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>907.611.973</b>	<b>2.108.000.433</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	646.089.395	2.101.675.692
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		257.480.922	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	4.041.656	6.324.741
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>95.428.830.657</b>	<b>77.993.552.671</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>163.200.000</b>	<b>163.200.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	163.200.000	163.200.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>32.038.431.105</b>	<b>26.104.078.059</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	29.217.314.066	22.764.695.377
- Nguyên giá	222		54.540.183.251	44.792.502.434
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.322.869.185)	(22.027.807.057)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.12	2.798.330.239	3.310.564.082
- Nguyên giá	225		4.097.870.909	4.097.870.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.299.540.670)	(787.306.827)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.13	22.786.800	28.818.600
- Nguyên giá	228		40.212.000	40.212.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.425.200)	(11.393.400)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>287.739.242</b>	<b>286.595.466</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	287.739.242	286.595.466
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.10</b>	<b>56.098.066.022</b>	<b>45.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		56.098.066.022	45.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.841.394.288</b>	<b>6.439.679.146</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	6.841.394.288	6.439.679.146
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>213.200.996.478</b>	<b>226.879.116.287</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG A**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Mẫu số B 01 – DN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>66.174.943.514</b>	<b>87.094.392.018</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>58.144.930.168</b>	<b>85.767.581.898</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	16.508.922.254	20.861.177.637
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	851.054.952	1.674.096.420
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	2.810.374.065	5.638.255.836
4. Phải trả người lao động	314		1.685.455.108	2.040.821.807
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	495.000.000	500.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	2.163.796.726	18.616.396.744
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		32.051.622.025	34.858.128.416
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.578.705.038	1.578.705.038
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.030.013.346</b>	<b>1.326.810.120</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	-	220.430.120
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		8.030.013.346	1.106.380.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>5.20</b>	<b>147.026.052.964</b>	<b>139.784.724.269</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>147.026.052.964</b>	<b>139.784.724.269</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		115.000.000.000	115.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.000.000.000	115.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(68.454.545)	41.545.455
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.750.640.461	12.099.319.177
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		4.343.867.048	12.643.859.637
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.343.867.048	12.643.859.637
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>213.200.996.478</b>	<b>226.879.116.287</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2018

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Mẫu số B 02 – DN

Quý III Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01	6.1	<b>38.801.527.327</b>	<b>44.378.394.497</b>	<b>107.076.617.352</b>	<b>96.981.387.385</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-	-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>38.801.527.327</b>	<b>44.378.394.497</b>	<b>107.076.617.352</b>	<b>96.981.387.385</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>6.3</b>	<b>23.510.123.849</b>	<b>28.293.039.080</b>	<b>64.385.839.923</b>	<b>58.402.695.442</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>15.291.403.478</b>	<b>16.085.355.417</b>	<b>42.690.777.429</b>	<b>38.578.691.943</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	396.601	1.147.301	9.743.792	12.747.125
7. Chi phí tài chính	22	6.5	1.531.783.665	678.221.895	4.742.961.996	1.416.092.946
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		815.875.849	678.221.895	2.255.772.735	1.416.092.946
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	10.602.900.910	9.585.400.540	24.591.492.464	23.639.315.756
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	2.559.633.963	2.689.119.578	7.823.268.170	6.769.174.818
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>597.481.541</b>	<b>3.133.760.705</b>	<b>5.542.798.591</b>	<b>6.766.855.548</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	65.795.463	2.603.699	349.930.463	215.164.813
12. Chi phí khác	32	6.7	118.685	100.070	118.685	45.787.117
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>65.676.778</b>	<b>2.503.629</b>	<b>349.811.778</b>	<b>169.377.696</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>663.158.319</b>	<b>3.136.264.334</b>	<b>5.892.610.369</b>	<b>6.936.233.244</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	173.625.077	627.252.867	1.421.693.306	1.387.246.649
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11			-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	489.533.242	2.509.011.467	4.470.917.063	5.548.986.595
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	43	218	389	483

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG****Mẫu số B 03 – DN**

Theo phương pháp gián tiếp

Quý III Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm tới cuối Quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>5.892.610.369</b>	<b>6.936.233.244</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.632.143.666	3.339.303.360
- Các khoản dự phòng	03		-	38.576.123
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.743.792)	(12.747.125)
- Chi phí lãi vay	06		2.255.772.735	1.416.092.946
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>12.770.782.978</b>	<b>11.717.458.548</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17.237.306.836)	(10.859.182.320)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10.116.269.781)	(23.170.821.488)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(9.856.604.320)	(11.351.574.283)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.053.871.155	(716.428.319)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.255.772.735)	(1.416.092.946)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.773.996.205)	(4.549.025.031)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(28.415.295.744)</b>	<b>(40.345.665.839)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(18.922.963.118)	(6.903.958.773)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			15.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		150.000.000	(3.250.337.190)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.700.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.743.792	12.747.125
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(18.763.219.326)</b>	<b>(11.826.094.293)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

**III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	74.576.791.913	60.769.245.009
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(69.550.664.958)	(52.193.700.170)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(909.000.000)	(940.100.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.800.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(9.682.873.045)</b>	<b>7.635.444.839</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(56.861.388.115)</b>	<b>(44.536.315.293)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	70.301.263.112	57.688.079.823
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	13.439.874.997	13.151.764.530

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2018

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 14 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty là: kinh doanh các loại sơn, bột bả.

**Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít. Chi tiết: Sản xuất nước sơn, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Sản xuất mì ống, mỳ sợi và các sản phẩm tương tự;
- Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Chỉ gồm có: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chỉ gồm có: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ các thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chỉ gồm: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Dịch vụ phụ vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải, vận chuyển hàng hóa;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán sơn nước, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật),

# CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 156 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2018

- xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
  - Hoàn thiện công trình xây dựng.

### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

### Công ty có công ty con: Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101814871 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 07 tháng 03 năm 2016

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 1101814871 cấp ngày 07/03/2016 là 50.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn ./.*)

Trụ sở tại Lô J7, đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Hoài Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

<u>Tên</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>
Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	82%	82%
Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	90%	90%

### Công ty có các chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy Sơn miền Bắc	59 Thiên Đức, TT. Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

## 2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

## 3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2018

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/03/2018 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.3. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

**4.4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****Mẫu số B09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2018

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

**4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**4.5.1. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 20 năm
Máy móc thiết bị	06 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

**4.5.2. Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2018

và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Phần mềm

05 năm

**4.5.3. Tài sản cố định thuê tài chính**

Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm số thuế GTGT phải trả cho bên cho thuê.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

**4.6. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Công ty con là công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**4.7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2018

phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.8. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

**4.9. Chi phí lãi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

**4.10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.11. Vốn chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Các quỹ**

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2018

năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**4.12. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4.13. Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

**4.14. Thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 10%.

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

***Các loại thuế khác:*** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

**4.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2018

**4.16. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.17. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**4.18. Bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số 8.7.

**4.19. Báo cáo theo bộ phận**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 156 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****Mẫu số B09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2018

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

***Lĩnh vực kinh doanh***

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: kinh doanh các loại sơn, bột bả, keo chống thấm.

***Khu vực địa lý***

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

Đơn vị tính: VND

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>5.1 TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>		
- Tiền mặt	8.616.643.418	7.192.461.387		
- Tiền gửi ngân hàng	2.743.508.579	61.779.232.332		
- Tiền đang chuyển	2.079.723.000	1.329.569.393		
- <b>Cộng</b>	<b>13.439.874.997</b>	<b>70.301.263.112</b>		
-				
<b>5.2 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>		
- a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	<b>25.620.668.709</b>	<b>24.095.783.247</b>		
- b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
-				
<b>5.3 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>		
- a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	<b>4.447.800.752</b>	<b>3.831.898.500</b>		
- - Công ty Cổ phần Nguyên liệu Viglacera	750.000.000	750.000.000		
- - Công ty Cổ phần Eco Green Life Việt Nam	436.004.700	436.004.700		
- - Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	3.261.796.052	2.645.893.800		
- b) Trả trước cho người bán dài hạn				
- c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
-				
<b>5.4 . PHẢI THU VỀ CHO VAY</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- a) Ngắn hạn	<b>2.433.720.887</b>	-	<b>2.583.720.887</b>	-
- Phải thu về cho vay	2.433.720.887	-	2.583.720.887	-
- Bà Nguyễn Vân Anh	200.000.000	-	250.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Phượng	100.000.000	-	100.000.000	-
- Ông. Đặng Thành Hưng	-	-	450.000.000	-
- Ông Đỗ Quý Công	250.000.000	-	500.000.000	-
- Các đối tượng khác	1.883.720.887	-	1.283.720.887	-

(1) Theo hợp đồng vay vốn số 05/2017/HĐVV-HSDA ngày 25/09/2017, giữa Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á và bà Nguyễn Vân Anh số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay 1 năm, lãi suất 8%/năm.

(2) Theo hợp đồng vay vốn số 06/2017/HĐVV-HSDA ngày 30/11/2017, giữa Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á và Bà Nguyễn Thị Phượng số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay 1 năm, lãi suất 8%/năm.

(3) Theo hợp đồng vay vốn số 08/2017/HĐVV-HSDA ngày 30/12/2017, giữa Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á và ông Đỗ Quý Công số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 1 năm, lãi suất 8%/năm.

-

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

Đơn vị tính: VND

5.5 PHẢI THU KHÁC	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
-				
- <b>a) Ngắn hạn</b>	<b>32.861.836.820</b>		<b>18.020.515.535</b>	
- - Tạm ứng	13.386.586.625		4.629.279.740	
- - Phải thu khác	19.475.250.195		13.391.235.795	
- <b>b) Dài hạn</b>	<b>163.200.000</b>		<b>163.200.000</b>	
- - Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	163.200.000		163.200.000	
- - Phải thu khác	-		-	
- <b>c) Phải thu khác là các bên liên quan</b>				
-				
5.6 HÀNG TỒN KHO	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên vật liệu	17.329.644.751	-	15.031.535.838	-
- Công cụ, dụng cụ	458.670.404	-	259.259.552	-
- Chi phí SXKD dở dang	12.666.412.140	-	7.866.049.684	-
- Thành phẩm nhập kho	7.589.482.585	-	4.686.217.095	-
- Hàng hóa	790.579.082	-	875.457.012	-
- Hàng gửi bán	54.448.722	-	54.448.722	-
- <b>Cộng</b>	<b>38.889.237.684</b>	-	<b>28.772.967.903</b>	-
5.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC			Cuối kỳ	Đầu năm
- <b>a) Ngắn hạn</b>			<b>646.089.395</b>	<b>2.101.675.692</b>
- - Chi phí quảng cáo			226.407.641	69.057.917
- - Các khoản khác			419.681.754	2.032.617.775
- <b>b) Dài hạn</b>			<b>6.841.394.288</b>	<b>6.439.679.146</b>
- - Chi phí quảng cáo			6.344.047.776	5.829.489.068
- - Chi phí dài hạn khác			497.346.512	610.190.078
- <b>Cộng</b>			<b>7.487.483.683</b>	<b>8.541.354.838</b>
5.8 TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN				
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
b) Xây dựng cơ bản dở dang			Cuối kỳ	Đầu năm
- Mua sắm TSCĐ			287.739.242	286.595.466
<b>Cộng</b>			<b>287.739.242</b>	<b>286.595.466</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****Mẫu số B 09 - DN**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

**5.10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH***Đơn vị tính: VND*

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	<b>56.098.066.022</b>		<b>45.000.000.000</b>	
- Đầu tư vào Công ty con	<b>56.098.066.022</b>		<b>45.000.000.000</b>	
+ Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	45.000.000.000		45.000.000.000	
+ Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	11.098.066.022		-	
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-		-	
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-		-	

Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG được đổi tên từ Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á Sài Gòn

**Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm**

Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG tiền thân là Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á Sài Gòn hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh sơn.

**Các giao dịch chủ yếu của Công ty với Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết**

Các giao dịch chủ yếu của Công ty với công ty con chủ yếu là mua bán tài sản, nguyên vật liệu sản xuất sơn, bột bả và chống thấm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

**5.11 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	11.973.103.252	25.203.521.728	7.514.313.817	101.563.637	<b>44.792.502.434</b>
Tăng trong năm	108.847.909	7.052.708.745	9.976.646.181	64.490.909	<b>17.202.693.744</b>
- Mua trong năm	108.847.909	7.052.708.745	9.976.646.181	64.490.909	<b>17.202.693.744</b>
Giảm trong năm		7.455.012.927			<b>7.455.012.927</b>
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác		7.455.012.927			<b>7.455.012.927</b>
Số dư cuối năm	12.081.951.161	24.801.217.546	17.490.959.998	166.054.546	<b>54.540.183.251</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	3.345.841.652	12.588.482.620	5.991.919.148	101.563.637	<b>22.027.807.057</b>
Tăng trong năm	349.563.107	2.954.008.625	806.006.899	4.299.392	<b>4.113.878.023</b>
- Số khấu hao trong năm	349.563.107	2.954.008.625	806.006.899	4.299.392	<b>4.113.878.023</b>
- Tăng khác					
Giảm trong năm		818.815.895			<b>818.815.895</b>
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác		818.815.895			<b>818.815.895</b>
Số dư cuối năm	3.695.404.759	14.723.675.350	6.797.926.047	105.863.029	<b>25.322.869.185</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	8.627.261.600	12.615.039.108	1.522.394.669	-	<b>22.764.695.377</b>
2. Tại ngày cuối năm	8.386.546.402	10.077.542.196	10.693.033.951	60.191.517	<b>29.217.314.066</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****Mẫu số B 09 - DN**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

**5.13 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH***Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm			-	40.212.000		40.212.000
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm						-
- Tăng khác						-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	-	-	-	40.212.000	-	40.212.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm			-	<b>11.393.400</b>		11.393.400
Tăng trong năm	-	-	-	6.031.800	-	6.031.800
- Số khấu hao trong năm				6.031.800		6.031.800
- Tăng khác						-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐSĐT						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	-	-	-	17.425.200	-	17.425.200
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	28.818.600	-	28.818.600
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	22.786.800	-	22.786.800



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****Mẫu số B09-DN**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

**5.13 Vay và nợ thuê tài chính**

	Cuối kỳ		Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>32.051.622.025</b>	<b>32.051.622.025</b>	<b>67.038.191.913</b>	<b>69.844.698.304</b>	<b>34.858.128.416</b>	<b>34.858.128.416</b>
Vay ngân hàng VND	32.051.622.025	32.051.622.025	67.038.191.913	69.844.698.304	34.858.128.416	34.858.128.416
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	12.875.582.524	12.875.582.524	28.922.539.214	31.132.138.175	15.085.181.485	15.085.181.485
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (ii)	3.908.343.542	3.908.343.542	7.588.468.876	7.244.588.491	3.564.463.157	3.564.463.157
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iii)	14.993.415.959	14.993.415.959	30.527.183.823	30.530.082.742	14.996.314.878	14.996.314.878
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương VN (vi)	274.280.000	274.280.000		909.000.000	1.183.280.000	1.183.280.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (iv)	-	-		28.888.896	28.888.896	28.888.896
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>8.030.013.346</b>	<b>8.030.013.346</b>	<b>7.538.600.000</b>	<b>614.966.654</b>	<b>1.106.380.000</b>	<b>1.106.380.000</b>
Vay ngân hàng	8.030.013.346	8.030.013.346	7.538.600.000	614.966.654	1.106.380.000	1.106.380.000
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương VN (vi)	1.106.380.000	1.106.380.000			1.106.380.000	1.106.380.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iii)	2.641.100.000	2.641.100.000	2.925.600.000	284.500.000	-	-
Ngân hàng TMCP Public Vietnam	4.282.533.346	4.282.533.346	4.613.000.000	330.466.654	-	-
<b>Cộng</b>	<b>40.081.635.371</b>	<b>40.081.635.371</b>	<b>74.576.791.913</b>	<b>70.459.664.958</b>	<b>35.964.508.416</b>	<b>35.964.508.416</b>

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**Mẫu số B 09 - DN**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

Đơn vị tính: VND

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2017/4729252/HĐTD ngày 18 tháng 08 năm 2017 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung, tổng hạn mức 27 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

(2) Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDH/2012/0057 ngày 16/11/2012 và phụ lục hợp đồng ký ngày 05/04/2017 giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng, hạn mức tín dụng là 4 tỷ đồng, thời hạn vay không quá 12 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.

(3) Vay tại ngân hàng TMCP Công thương Việt nam

- Hợp đồng tín dụng số 274/2017-HĐCVHM/NHCT131-SĐA ngày 11 tháng 10 năm 2017 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức 20 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7,8%/năm, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh sơn, bột bả, bột chét tường.

- Hợp đồng tín dụng số 89/2017-HĐCVHM/NHCT131-SĐASG ngày 15 tháng 05 năm 2017 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức 5 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất quy định trong từng lần nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

(4) Hợp đồng tín dụng số 01/2015/4729252/HĐTD ngày 21 tháng 04 năm 2015 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung, hạn mức tín dụng 260 triệu đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất quy định trong thời điểm cụ thể, mục đích vay để mua sắm tài sản cố định.

(5) Hợp đồng tín dụng số LD1709700706 ngày 17/04/2017 ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Long An, số tiền vay 550.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm, lãi suất vay 9,5% (trong 24 tháng đầu tiên), mục đích vay mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, tài sản đảm bảo là xe ô tô nhãn hiệu Ford thuộc sở hữu của công ty.

(6) Nợ thuê tài chính tại Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam:

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.075/2015/TSC-CTTC ngày 30 tháng 10 năm 2015 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 992.480.000 đồng, thời hạn cho thuê là 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.044/2016/TSC-CTTC ngày 29 tháng 07 năm 2016 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 645.680.000 đồng, thời hạn cho thuê là 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.002/2017/TSC-CTTC ngày 10 tháng 01 năm 2017 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 790.000.000 đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.

-

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

Mẫu số B 09 - DN

**5.20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>115.000.000.000</b>	<b>41.545.455</b>	-	<b>10.899.319.177</b>	-	<b>15.457.354.349</b>	<b>141.398.218.981</b>
Tăng vốn năm trước	-						-
Lãi trong năm trước						13.574.742.088	<b>13.574.742.088</b>
Tăng khác				1.200.000.000		762.538.353	<b>1.962.538.353</b>
Giảm vốn trong năm trước							-
Lỗ trong năm trước							-
Giảm khác						(17.150.775.153)	<b>(17.150.775.153)</b>
<i>Phân phối lợi nhuận</i>						(16.219.892.902)	<b>(16.219.892.902)</b>
<i>Giảm khác</i>						(930.882.251)	<b>(930.882.251)</b>
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>115.000.000.000</b>	<b>41.545.455</b>	-	<b>12.099.319.177</b>	-	<b>12.643.859.637</b>	<b>139.784.724.269</b>
Tăng vốn trong năm nay							-
Lãi trong năm nay						4.470.917.063	<b>4.470.917.063</b>
Công ty con phân phối lợi nhuận				15.651.321.284		4.470.000.000	<b>20.121.321.284</b>
<i>Trích lập các quỹ</i>				15.651.321.284			<b>15.651.321.284</b>
Giảm vốn trong năm nay							-
Giảm khác	-	110.000.000	-	-	-	17.240.909.652	<b>17.350.909.652</b>
<i>Phân phối lợi nhuận (*)</i>						17.113.859.637	<b>17.113.859.637</b>
<i>Giảm khác</i>		110.000.000				127.050.015	<b>237.050.015</b>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>115.000.000.000</b>	<b>(68.454.545)</b>	-	<b>27.750.640.461</b>	-	<b>4.343.867.048</b>	<b>147.026.052.964</b>

(1) Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017 cho công ty mẹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ-BCSG ngày 31 tháng 03 năm 2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước			
- Vốn góp của các đối tượng khác	100%	115.000.000.000	115.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>115.000.000.000</b>	<b>115.000.000.000</b>
<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>			
		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
- <i>Vốn góp đầu năm</i>		115.000.000.000	115.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>			
- <i>Vốn góp giảm trong năm</i>			
- <i>Vốn góp cuối năm</i>		115.000.000.000	115.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		13.800.000.000	16.219.892.902
<b>d) Cổ phiếu</b>			
		<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		11.500.000	11.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		11.500.000	11.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		11.500.000	11.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>			
- Số lượng cổ phiếu được mua lại			
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>			
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>			
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		11.500.000	11.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		11.500.000	11.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>			
- * Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:		10.000 đồng	10.000 đồng
<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp</b>			
		<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển		27.750.640.461	12.099.319.177
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
<b>g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.</b>			
<b>5.21 CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH</b>			
<b>6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH</b>			
		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>6.1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>			
- a) Doanh thu		107.076.617.352	96.981.387.385
- b) Doanh thu đối với các bên liên quan		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
-		
<b>6.2 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>		
-		
- Hàng bán bị trả lại	-	-
- <b>Cộng</b>	-	-
-		
<b>6.3 GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Giá vốn của hàng đã bán	<b>64.385.839.923</b>	<b>58.402.695.442</b>
- <b>Cộng</b>	<b>64.385.839.923</b>	<b>156.193.008.564</b>
-		
<b>6.4 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lãi tiền gửi, cho vay	9.743.792	12.747.125
- <b>Cộng</b>	<b>9.743.792</b>	<b>12.747.125</b>
-		
<b>6.5 CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lãi tiền vay	2.255.772.735	1.416.092.946
- Chiết khấu thanh toán	2.487.189.261	-
- <b>Cộng</b>	<b>4.742.961.996</b>	<b>1.416.092.946</b>
-		
<b>6.6 THU NHẬP KHÁC</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
- Thu nhập khác	349.930.463	215.164.813
- <b>Cộng</b>	<b>349.930.463</b>	<b>215.164.813</b>
-		
<b>6.7 CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Các khoản khác	118.685	45.787.117
- <b>Cộng</b>	<b>118.685</b>	<b>45.787.117</b>
-		
<b>6.8 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	<b>7.823.268.170</b>	<b>6.769.174.818</b>
b) Các chi phí bán hàng phát sinh trong năm	<b>24.591.492.464</b>	<b>23.639.315.756</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****Mẫu số B 09 - DN**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

Đơn vị tính: VND

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>6.9 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.892.610.369	6.936.233.244
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.215.856.161	-
- <i>+ Chi phí không được trừ</i>		
- Tổng thu nhập chịu thuế	7.108.466.530	6.936.233.244
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Thuế TNDN hiện hành	1.421.693.306	1.387.246.649
-		
<b>6.12 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU</b>		

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	4.470.917.063	5.548.986.595
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu	-	-
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.500.000	11.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>389</b>	<b>483</b>

Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc năm tài chính.

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	11.500.000	11.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm	<b>11.500.000</b>	<b>11.500.000</b>

**7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính này.



